

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27 – 3 - 2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trịnh Thị Thanh Thúy.

- Ông Trần Thanh Duy.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 66/2025/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông [Phạm Hồng T](#), sinh năm: 1985; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: [Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi](#).

* Bị đơn: Bà [Hò Thị Kim T1](#), sinh năm: 1988. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: [Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi](#).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 04/02/2025, nguyên đơn ông [Phạm Hồng T](#), trình bày: Tôi và bà [Hò Thị Kim T1](#) kết hôn năm 2009, đăng ký kết hôn tại [UBND xã H, huyện N](#) trong thời gian chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng sống không có hạnh phúc. Nay tôi xin ly hôn với bà [Hò Thị Kim T1](#).

+ Về con chung: Tôi và bà [T1](#) có hai con chung tên [Phạm Hồng Q](#), sinh ngày 25/02/2008 và [Phạm Dương N](#), sinh ngày 23/4/2022. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng con [Phạm Hồng Q](#); giao con [Phạm Dương N](#) cho bà [T1](#) nuôi dưỡng, giáo dục không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ chung: Không có.

- Bị đơn bà [Hò Thị Kim T1](#) trình bày tại Bản tự khai ngày 07 tháng 02 năm 2025: Tôi và ông [T](#) kết hôn năm 2009, trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ 03 năm nay vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa. Tôi không đồng ý ly hôn vì các con còn nhỏ.

+ Về con chung: Tôi và ông [T](#) có hai con chung tên [Phạm Hồng Q](#), sinh ngày 25/02/2008 và [Phạm Dương N](#), sinh ngày 23/4/2022. Nếu Tòa án cho ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng con [Phạm Dương N](#); giao con [Phạm Hồng Q](#) cho ông [T](#) nuôi dưỡng, yêu cầu ông [T](#) cấp dưỡng nuôi cháu [N](#) mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi con tròn 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành phát biểu ý kiến:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 68, 203, khoản 4 Điều 147, 227, 228 BLTTDS; Điều 51, 56, khoản 3 Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật HNGĐ năm 2014; Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP; Điều 27 Nghị quyết 326 của UBTVQH, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh [Phạm Hồng T](#).

- Về quan hệ hôn nhân: anh [Phạm Hồng T](#) được ly hôn chị [Hò Thị Kim T1](#).

- Về con chung: giao cháu [Phạm Hồng Q](#), sinh ngày 25/02/2008 cho anh [T](#) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu [Phạm Dương N](#), sinh ngày 23/4/2022 cho chị [T1](#) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của anh [T](#) về cấp dưỡng nuôi con Ny mỗi tháng 1.500.000đồng, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về án phí: anh [T](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông [Phạm Hồng T](#) khởi kiện yêu cầu được ly hôn bà [Hò Thị Kim T1](#), bà [T1](#) có nơi cư trú tại [huyện N, tỉnh Quảng Ngãi](#). Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông [Phạm Hồng T](#), bà [Hò Thị Kim T1](#) có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông [T](#), bà [T1](#).

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông [Phạm Hồng T](#) và bà [Hò Thị Kim T1](#) kết hôn ngày 22/10/2020, đăng ký kết hôn tại [UBND xã H, huyện N](#), được UBND xã cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ

chồng có nhiều mâu thuẫn dẫn đến hạnh phúc gia đình không còn. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2022 cho đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa, ông [T](#) kiên quyết xin ly hôn, bà [T1](#) không đồng ý ly hôn vì con còn nhỏ. Hội đồng xét xử thấy tình cảm vợ chồng giữa ông [T](#) và bà [T1](#) không còn, bà [T1](#) không đồng ý ly hôn với lý do con còn nhỏ là không phù hợp, nên cần cho ông [T](#) ly hôn với bà [T1](#) theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.1] Về con chung: Giao cháu [Phạm Hồng Q](#), sinh ngày 25/02/2008, cho ông [T](#) nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu [Phạm Dương N](#), sinh ngày 23/4/2022, cho bà [T1](#) nuôi dưỡng, giáo dục, mỗi tháng ông [T](#) cấp dưỡng nuôi cháu [N](#) 1.500.000đ cho đến khi con tròn 18 tuổi, thời gian tính từ ngày 01/4/2025.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ chung: Không có.

Ông [Phạm Hồng T](#) và bà [Hò Thị Kim T1](#) được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Theo quy định tại Điều 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông [Phạm Hồng T](#) phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của [Ủy ban thường vụ Q1](#).

- Căn cứ: Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107 Luật hôn nhân và gia đình.

- Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông [Phạm Hồng T](#).

- Tuyên xử: Ông [Phạm Hồng T](#) được ly hôn với bà [Hò Thị Kim T1](#).

Về con chung: Giao cháu [Phạm Hồng Q](#), sinh ngày 25/02/2008, cho ông [T](#) nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu [Phạm Dương N](#), sinh ngày 23/4/2022, cho bà [T1](#) nuôi dưỡng, giáo dục. Mỗi tháng ông [T](#) cấp dưỡng nuôi cháu [N](#) 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi con tròn 18 tuổi, thời gian tính từ ngày 01/4/2025.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ chung: Không có.

Ông [Phạm Hồng T](#), bà [Hò Thị Kim T1](#) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

- Về án phí: Ông [Phạm Hồng T](#) phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ 300.000đ ông [T](#) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004147 ngày 06/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, ông [Phạm Hồng T](#) phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con để sung công quỹ nhà nước.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

H

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Nghĩa Hành;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Hành;
- UBND xã Hành Nhân;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hải Nam

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 8 giờ 30 phút, ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại phòng nghị án,
Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông [Phạm Hải N1](#)

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà [Trịnh Thị Thanh T2](#).

- Ông [Trần Thanh D](#).

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 66/2025/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông [Phạm Hồng T](#), sinh năm: 1985;

Địa chỉ: [Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi](#).

* *Bị đơn*: Bà [Hò Thị Kim T1](#), sinh năm: 1988.

Địa chỉ: [Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi](#).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các qui định của pháp luật:

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. **Quan hệ pháp luật**: Ly hôn, nuôi con chung.

- Biểu quyết: 3/3.

2. **Về điều luật áp dụng**: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của [Ủy ban thường vụ Q1](#).

- Căn cứ: Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107 Luật hôn nhân và gia đình.

- Biểu quyết: 3/3.

3. **Tuyên bố**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông [Phạm Hồng T](#).

- Tuyên xử: Ông [Phạm Hồng T](#) được ly hôn với bà [Hò Thị Kim T1](#).

+ Về con chung: Giao cháu [Phạm Hồng Q](#), sinh ngày 25/02/2008, cho ông [T](#) nuôi dưỡng giáo dục; giao cháu [Phạm Dương N](#), sinh ngày 23/4/2022, cho bà [T1](#) nuôi dưỡng, giáo dục mỗi tháng ông [T](#) cấp dưỡng nuôi cháu [N](#) 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi con tròn 18 tuổi, thời gian tính từ ngày 01/4/2025.

Ông [Phạm Hồng T](#), bà [Hò Thị Kim T1](#) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- Biểu quyết: 3/3.

3.1 + Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ chung: Không có.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

- Về án phí: Ông [Phạm Hồng T](#) phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ 300.000đ ông [T](#) đã nộp, ông [Phạm Hồng T](#) phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con để sung công quỹ nhà nước.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Biểu quyết: 3/3.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây lập xong hồi 9 giờ 00 phút cùng ngày, đọc lại cho tất cả cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hải Nam

Trịnh Thị Thanh Thúy Trần Thanh Duy